

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 01/3/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Việt Chi	Nữ	09/9/2003	Nghệ An	Kinh	8.3	9.0	353/QĐ135/2026	TH015242	
2	Cụt Bá Chiêu	Nam	23/11/1993	Nghệ An	Khơ Mú	6.0	5.0	354/QĐ135/2026	TH015243	
3	Cao Thị Hoàng Diệu	Nữ	25/12/2002	Yên Bái	Kinh	7.0	9.0	355/QĐ135/2026	TH015244	
4	Nguyễn Hữu Đồng	Nam	11/10/1986	Nghệ An	Kinh	7.7	9.0	356/QĐ135/2026	TH015245	
5	Phạm Thị Hiền	Nữ	08/3/1980	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	357/QĐ135/2026	TH015246	
6	Hoàng Thị Huệ	Nữ	28/5/1996	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	358/QĐ135/2026	TH015247	
7	Nguyễn Tiên Hùng	Nam	29/9/1986	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	359/QĐ135/2026	TH015248	
8	Lo Thị Huyền	Nữ	08/6/1994	Nghệ An	Khơ Mú	5.0	5.0	360/QĐ135/2026	TH015249	
9	Nguyễn Như Khánh	Nam	03/3/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	361/QĐ135/2026	TH015250	
10	Nguyễn Thị Nga	Nữ	18/11/2000	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	8.0	362/QĐ135/2026	TH015251	
11	Trần Thị Ánh Ngân	Nữ	22/12/2003	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	363/QĐ135/2026	TH015252	
12	Lê Văn Nghĩa	Nam	17/02/1995	Nghệ An	Kinh	8.3	7.5	364/QĐ135/2026	TH015253	
13	Đào Công Quyết	Nam	07/7/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	365/QĐ135/2026	TH015254	
14	Nguyễn Văn Thông	Nam	08/11/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	366/QĐ135/2026	TH015255	
15	Nguyễn Anh Tiên	Nam	22/6/1980	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	367/QĐ135/2026	TH015256	
16	Nguyễn Thị Yên	Nữ	18/02/1993	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	368/QĐ135/2026	TH015257	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
17	Cụt Hoài An	Nữ	16/6/2004	Nghệ An	Khơ Mú	6.3	6.5	369/QĐ135/2026	TH015258	
18	Nguyễn Thị Giang	Nữ	20/8/1987	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	370/QĐ135/2026	TH015259	
19	Phan Thị Hoài	Nữ	17/02/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	371/QĐ135/2026	TH015260	
20	Nguyễn Văn Minh Hoàng	Nam	18/11/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	372/QĐ135/2026	TH015261	
21	Đặng Thị Ngọc Linh	Nữ	23/4/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	373/QĐ135/2026	TH015262	
22	Nguyễn Hoàng Long	Nam	09/12/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	374/QĐ135/2026	TH015263	
23	Nguyễn Nhân Long	Nam	15/9/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	375/QĐ135/2026	TH015264	
24	Trần Thị Trà My	Nữ	25/9/2001	Nghệ An	Kinh	7.3	9.0	376/QĐ135/2026	TH015265	
25	Võ Thị Tố Na	Nữ	22/6/1998	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	377/QĐ135/2026	TH015266	
26	Trương Thị Ngân	Nữ	10/5/1985	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	378/QĐ135/2026	TH015267	
27	Đặng Thị Ngọc	Nữ	15/7/1987	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	379/QĐ135/2026	TH015268	
28	Trịnh Xuân Anh Thông	Nam	27/01/2001	Nghệ An	Thái	7.3	9.0	380/QĐ135/2026	TH015269	
29	Trần Thị Trang	Nữ	01/12/1987	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	381/QĐ135/2026	TH015270	
30	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	16/7/1986	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	382/QĐ135/2026	TH015271	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

